

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số
nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 4434/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 285/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam đang sinh sống và có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, gồm:

a) Người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của tỉnh Quảng Ninh;

b) Người từ đủ 65 tuổi trở lên chưa được hỗ trợ bảo hiểm y tế từ các chính sách khác;

c) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Người thuộc hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo theo quyết định công nhận của cơ quan hoặc người có thẩm quyền;

đ) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ;

e) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 80% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này kể từ tháng được cơ quan hoặc người có thẩm quyền công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đến thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực.

3. Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ quy định của Chính phủ đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này để đạt được mức hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế.

4. Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức hỗ trợ quy định của Chính phủ đối với đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này để đạt được mức hỗ trợ 80% mức đóng bảo hiểm y tế.

Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thuộc nhiều đối tượng được hỗ trợ tại Điều này thì được hưởng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2024 - 2025 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND thì được chuyển sang mức hỗ trợ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị quyết này, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trường hợp, các đối tượng của Nghị quyết này đang có thẻ bảo hiểm y tế thì mức hỗ trợ được áp dụng kể từ ngày liền kề hết hạn của thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và nội dung hỗ trợ. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, xác định đối tượng, tổ chức thực hiện; kiểm soát rủi ro chính sách, bảo đảm quản lý chặt chẽ, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi, thất thoát ngân sách nhà nước, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

2. Giao Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền tạo sự đồng thuận của Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ, ngành: Y tế, Tài chính, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ9

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh